

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HS-PT

Ngày 12-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Tồn**

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Cảnh

Ông Huỳnh Đức Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Quỳnh Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lựu** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 254/2017/TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Quang V, Nguyễn Hữu H, Lê Duy K do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 127/2017/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu L, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1993 tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú : Tổ 01, thị trấn Đ, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai; chỗ ở khi phạm tội: 93 Y, phường T, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh H1 (sống) và bà Trương Thị H2 (sống), gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 16/11/2012 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối Cao tại Đà Nẵng xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; bị bắt, tạm giam ngày 03 tháng 8 năm 2016. Có mặt.

2. Nguyễn Hữu H (Beo), sinh ngày 20 tháng 02 năm 1994 tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú : Tổ 01, thị trấn Đ, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai; chỗ ở khi phạm tội: 410 C, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ văn hoá (học vấn):

10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh H1 (sống) và bà Trương Thị H2 (sống), gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba, có vợ là Phạm Thị Thùy D-Sinh năm 1995 và một con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 03 tháng 8 năm 2016. Có mặt.

3. Trương Quang V (Vinh cháy), sinh ngày 05 tháng 02 năm 1984 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Tổ 34, phường TKĐ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, nghề nghiệp: Đầu bếp; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn A (sống) và bà Phạm Thị L (sống), gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ năm, vợ là Đoàn Hương T; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 161/2012/HSPT ngày 18/5/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm và xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự; bị bắt, tạm giam ngày 03 tháng 8 năm 2016. Có mặt.

4. Lê Duy K, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1990 tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú : Tổ 01, khối 01, phường T, thành phố Muôn Mê Thuật, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông : Không xác định và bà Lê Thị T (sống), bị cáo là con duy nhất, có vợ là Trần Thị L-Sinh năm 1991 và một con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Bị hại:

Đoàn Duy Hiếu, sinh năm 1983 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: 20 Lê Độ, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi Hoàng Đức P gặp và được người tên Út (*Không xác định họ tên, địa chỉ*) thuê ra thành phố Đà Nẵng gặp anh Đoàn Chí H3 để lấy tiền anh H3 nợ cá độ bóng đá là 188.000.000đ thì P đồng ý nhận lời để thực hiện. Khoảng 16 giờ ngày 20 tháng 7 năm 2016, P gặp và rủ Nguyễn Hữu L đi lấy nợ tiền banh và thỏa thuận về tỷ lệ ăn chia với nhau thì L đồng ý. Lợi rủ Ngô Duy K và Lâm Mạnh C đi cùng và được Khương, Cầm đồng ý. Để chuẩn bị cho việc ra Đà Nẵng lấy tiền, L chuẩn bị 01 cây roi điện giao cho C giữ, còn P chuẩn bị 02 bình xịt hơi cay mang theo nhằm làm công cụ hỗ trợ cho quá trình đi lấy tiền nợ. Khoảng 7h ngày 21/7/2017, Phúc và đồng bọn thuê xe dịch vụ BKS 47A-007.94 do Lê Duy K điều khiển ra Đà Nẵng, trên đường đi Lợi rủ thêm em ruột là Nguyễn Hữu H đi cùng. Ngày 27 tháng 7 năm 2016, tại Đà

Năng, V điện thoại cho H giả vờ nói với H3 đến nhà của V tại địa chỉ số 32 đường D, thành phố Đà Nẵng để làm biển quảng cáo, H3 tưởng thật đi đến thì gặp Lê Đắc K1 là người thuê nhà của V để kinh doanh và K chỉ cho anh H3 lên tầng 2. Trong lúc H3 đi lên tầng 2, V điện thoại báo cho P và đồng bọn biết để kéo đến dùng vũ lực không chế trấn áp yêu cầu H3 trả tiền, bị đánh bất ngờ H3 nói có gì để H3 làm việc với Út, nhưng P không đồng ý mà yêu cầu Hiếu trả tiền ngay, Phúc nói Cầm xuống dưới xe lấy roi điện và giấy, bút lên cho Phúc để đe dọa H3 và buộc H3 viết giấy nhận nợ, L hướng dẫn đọc nội dung và bắt buộc H3 phải viết giấy nợ anh P số tiền 188.000.000đ (nhưng ghi lùi lại ngày mượn là ngày 22/5/2017). Trong lúc C, L đang ở tầng 2 ép H3 viết giấy nợ thì K2, H, P đi xuống dưới nhà nói K đánh ô tô lùi vào đường luồng bên hông nhà để đưa H3 đi nhằm tránh mọi người dân xung quanh phát hiện. Sau khi P và đồng bọn ép anh H3 viết giấy nhận nợ xong thì không chế đưa anh H3 lên xe ô tô do K trực tiếp lái theo sự chỉ đạo của P về hướng đèo Hải Vân ra Huế; đồng thời trong lúc xe chạy, P và đồng bọn hù dọa dùng kim tiêm nhiễm HIV đâm H3 và đánh đập anh buộc anh H3 gọi điện thoại về cho vợ để lấy số tiền 100.000.000đ trả trước cho P. Do sợ nguy hiểm đến tính mạng của chồng, chị X đã vay mượn 90.000.000đ rồi liên lạc với P, P đồng ý và điện thoại cho Hồ Văn N đến nhà số 20 đường L, thành phố Đà Nẵng để lấy tiền cho P. N đã rủ Trần Ngọc Q đi cùng đến nhà chị X lấy 90.000.000đ rồi gọi điện báo cho P biết đã lấy được tiền thì P tiếp tục ép anh H3 phải viết giấy nhận nợ số tiền 98.000.000đ và cam kết 03 ngày sau trả đủ rồi thả cho anh H về lại Đà Nẵng. Sáng ngày 28/7/2016, N mang số tiền trên ra H giao cho P và P đã cho N 700.000đ và đưa giấy H3 đã viết nhận nợ 98.000.000đ cho Nhã cầm và dặn khi nào Phúc gọi thì đến nhà H3 lấy tiếp số tiền 98.000.000đ. Đến khoảng 18h00 ngày 01/8/2016, P và đồng bọn từ Huế quay về Đà Nẵng và tiếp tục liên lạc đe dọa vợ chồng anh H3 để lấy tiền và P đã gọi cho N đến nhà anh H3 để lấy tiền. Theo chỉ đạo của P, khoảng 19 giờ 45 phút ngày 01/8/2016, N và Q đến nhà chị X lấy số tiền còn lại là 98.000.000đ thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an quận T bắt quả tang. Đối với Lê Duy K, mặc dù không tham gia bàn bạc, tổ chức với P và đồng bọn để thực hiện hành vi phạm tội, nhưng trong quá trình Phúc và đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Khánh đều chứng kiến và biết hết sự việc, đồng thời trực tiếp chở P cùng đồng bọn bắt ép anh H3 lên xe ô tô để chở lên đèo Hải Vân nhằm buộc anh H3 phải trả tiền và phải điện thoại cho vợ chuẩn bị tiền để đưa cho P và đồng bọn, nhưng bị cáo K không can ngăn, không báo cáo với cơ quan chức năng, không tự ý chấm dứt hợp đồng dịch vụ đối với P, do vậy là đồng phạm.

Tại Bản án sơ thẩm số 127/2017/HSST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Đối với bị cáo Nguyễn Hữu L:

1/ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự - Xử phạt Nguyễn Hữu L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật".

2/ Áp dụng điểm a,d khoản 2 Điều 135; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình - Xử phạt 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Hữu L phải chấp hành là 08 (Tám) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 03/8/2016.

- Đối với bị cáo Trương Quang V:

1/ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự - Xử phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật".

2/ Áp dụng điểm a, c, d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự - Xử phạt 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Trương Quang V phải chấp hành là 08 (Tám) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 03/8/2016.

- Đối với bị cáo Nguyễn Hữu H:

1/ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự - Xử phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật";

2/ Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 135; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự - Xử phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Hữu H phải chấp hành là 05 (Năm) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 03/8/2016.

- Đối với bị cáo Lê Duy K:

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự - Xử phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật";

2/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự - Xử phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Lê Duy K phải chấp hành là 02 (Hai) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí và thông báo về quyền kháng cáo bản án.

Nội dung kháng cáo của các bị cáo: Ngày 26 và 30/11/2017 các bị cáo Trương Quang V, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Hữu H và Lê Duy K làm đơn kháng cáo với nội dung xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt ,do điều kiện hoàn cảnh khó khăn. Riêng bị cáo Lê Duy K tại phiên tòa hôm nay thay đổi nội dung kháng cáo và cho rằng: Bị cáo không phạm tội "Bắt giữ người trái pháp luật" và tội "Cưỡng đoạt tài sản" như án sơ thẩm đã tuyên mà bị cáo chỉ hành vi “không tố giác tội phạm” nên đề nghị HĐXX xem xét lại tội danh .

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc Thẩm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về phần thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Quang V, Nguyễn Hữu H, Lê Duy K có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về phần nội dung đơn kháng cáo thì thấy: Các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Quang V, Nguyễn Hữu H, Lê Duy K đã có hành vi thực hiện việc bắt giữ người trái phép và cưỡng đoạt tài sản với tổng số tiền bị chiếm đoạt là 98.000.000đồng nên Bản án sơ thẩm số 127/2017/HSST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản” là có đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Quang V, Nguyễn Hữu H, Lê Duy K và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hữu L, Nguyễn Hữu H, Trương Quang V thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản” là đúng. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 27/7/2016 tại số 32 D, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Hoàng Đức P, Trương Quang V, Ngô Duy K1, Lâm Mạnh C, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Hữu H, Hồ Văn N đã dùng vũ lực bắt giữ ép buộc anh Đoàn Chí H3 ghi giấy nhận nợ; 188.000.000đồng và tiếp tục khống chế đưa anh H3 lên xe ô tô do K trực tiếp điều khiển theo sự chỉ đạo của P về hướng đèo Hải Vân ra Huế; P và đồng bọn liên tục đánh đập anh buộc anh H3 gọi điện thoại về nhà chạy tiền. Do sợ nguy hiểm đến tính mạng của chồng, chị X vợ anh H3 đã vay mượn 90.000.000đ giao cho Hồ Văn N tại Đà Nẵng theo chỉ đạo của P. P và đồng bọn tiếp tục ép anh H3 phải viết giấy nhận nợ số tiền còn lại 98.000.000đ và cam kết 03 ngày sau trả đủ rồi thả cho anh H3 về lại Đà Nẵng. Đến khoảng 18h00 ngày 01/8/2016, P và đồng bọn từ Huế quay về Đà Nẵng và tiếp tục liên lạc đe dọa vợ chồng anh H3 để lấy tiền còn lại là 98.000.000đ thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an quận T bắt quả tang. Đối với Lê Duy K, mặc dù không tham gia bàn bạc, tổ chức với Phúc và đồng bọn để thực hiện hành vi phạm tội, nhưng trong quá trình P và đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo K đều chứng kiến và biết rõ Phúc cùng đồng bọn khóa tay, tóm cổ áo lôi kéo dí roi điện vào lưng bị hại ép buộc lên xe bằng đường lòng cửa sau và trực tiếp điều khiển phương tiện cho đến khi bị bắt giữ. Do vậy cấp sơ thẩm xác định bị cáo K là đồng phạm.

Như vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số:127/2017/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án Tòa án nhân dân quận T đã tuyên, các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Quang V, Nguyễn Hữu H và Lê Duy K phạm vào tội "Bắt giữ người trái pháp luật" theo Điều 123 Bộ luật hình sự và tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo Điều 135 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Quang V, Nguyễn Hữu H: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo với nhau trong việc thực hiện tội phạm; có sự chuẩn bị công cụ phương tiện nhằm đe dọa chiếm đoạt tài sản người bị hại; P là chủ mưu, có sự phân công người thực hành, giúp sức, chuẩn bị phương tiện đi lại và thỏa thuận về việc ăn chia với nhau, các bị cáo cùng tham gia cố ý để thực hiện hành vi phạm tội. hành vi của đồng bọn đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm

tội và nhân thân của từng bị cáo đồng thời áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 08 (tám) năm tù, Trương Quang V 08 (tám) năm tù, Nguyễn Hữu H 05 (năm) năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Quang V, Nguyễn Hữu H không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[3] Đối với bị cáo Lê Duy K, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kêu oan, không xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo như nội dung kháng cáo ban đầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. HĐXX xét thấy : Lê Duy K là tài xế được Phúc thuê chở dịch vụ, trong quá trình đi cùng Khánh biết rõ Phúc và đồng bọn thực hiện hành vi không chế bắt giữ anh Hiếu đối với tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và biết nhóm Phúc có hành vi đánh, dùng vũ lực đe dọa, bắt anh Hiếu điện thoại về cho vợ chuẩn bị tiền để nhóm Phúc chiếm đoạt về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng vẫn đồng tình không có phản ứng gì. Tuy nhiên, K thực hiện hành vi của hai tội với vai trò đồng phạm có mức độ, do vậy án sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Duy K 02 (hai) năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do đó, căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Quang V, Nguyễn Hữu H và không xem xét tội danh đối với bị cáo Lê Duy K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự :

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Quang V, Nguyễn Hữu H, Lê Duy K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Xử phạt:

- Đối với bị cáo Nguyễn Hữu L:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự - Xử phạt Nguyễn Hữu L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật".

- Áp dụng điểm a,d khoản 2 Điều 135; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự - Xử phạt 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

- Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Hữu L phải chấp hành là 08 (Tám) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 03/8/2016.

- Đối với bị cáo Trương Quang V:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự - Xử phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật".

- Áp dụng điểm a,c,d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự - Xử phạt 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

- Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Trương Quang V phải chấp hành là 08 (Tám) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 03/8/2016.

- Đối với bị cáo Nguyễn Hữu H:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự - Xử phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật";

- Áp dụng điểm a,d khoản 2 Điều 135; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự - Xử phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

- Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Hữu H phải chấp hành là 05 (Năm) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 03/8/2016.

- Đối với bị cáo Lê Duy K:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự - Xử phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật";

- Áp dụng điểm a,d khoản 2 Điều 135; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự - Xử phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

- Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Lê Duy K phải chấp hành là 02 (Hai) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Nguyễn Hữu L, Trương Quang V, Nguyễn Hữu H, Lê Duy K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CATP Đà Nẵng (PV 27);
- VKSND quận Thanh Khê;
- Công an quận Thanh Khê;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THA quận Thanh Khê;
- Sở tư pháp TPĐN;
- TB kết quả xét xử;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Tồn

